**SPring MVC**

Absolutely integral to : (Totally not enough ) hoàn toàn không thể thiếu.

Foremost : the main in problem : quan trọng nhất :

Amongst :( in this ) trong số này.

Inversion : turn around : đảo ngược

A thorough treatment of : a tips to decision absolutely : 1 cách giải quyết triệt để.

Closely followed : theo sát.

Convey : truyeenf ddajt.

consists of : bao gom.

comprehensive coverage : bảo vệ toàn diện.

principle : law : nguyên tắc.

mechanism : Cơ chế.

 instantiation  : khởi tạo.

fundamentally : về cơ bản.

 capable : có khả năng.

Integration : tích hợp.

the underlying basis : nền tảng cơ bản.

 superset : thay thế

exclusively : duy nhất.

that form the backpon : tạo thanh xương sống.

reflected  : Phản ánh.

 Represents : đại diện.

responsible : chịu trách nhiệm.

annotations : chú thích

correspond : tương ứng.

compose : biên soạn.

actual : thức tế.

at least one and typically more : ít nhất và thừng là nhiều hơn.

intuitive : trực giác, trực quan.

interdependencies : sự phụ thuộc lẫn nhau.

Several : một số.

stand-alone : độc lập.

common : thông thường.

instance = Example : ví dụ

declaratively : khai báo.

Enable : cho phép.

 instruct hướng dẫn.

 scenarios kịch bản.

 explicit  : rõ rang, thẳng thắn, tường minh.

boilerplate  bản mẫu.

combined kết hợp.

1. IoC : Thường được biết đến bằng khái niệm Depency Injection (DI), đó là 1 tiến trình nơi các đối tượng được định nghĩa sự phụ thuộc của nó,thông qua sự xây dựng đối số, truyền đối số cho 1 phương thức, hoặc thuộc tính mà nó cài đặt ví dụ sau như khởi tạo hoặc trả về 1 phương thức, Container sau đó sẽ tiêm phụ thuộc vào khi mà nostajo ra những bean.
   1. Bean ở đâu được xem như là 1 đối tưởng hoặc 1 thành phần cơ bản của của ứng dụng web mà nó thuộc về.
   2. Org.springframework.beans và Org.springframework.context là những thành phần cơ bản của java spring framework, beanfactory cung cấp những cấu hình nâng cao giúp quản lí các loại đối tượng khác nhau, ApplicationContext là một sub interface của beanfactory.
   3. ApplicationContext dễ dàng kết hợp với AOP ,…. Nói ngắn gọn lại thì bean cung cáp các chức năng basic còn applicationcontext cung cấp các chức năng riêng đặc biệt , vì vậy application context đã thành công trong việc thay thế beanfactory và được dùng để mô tả IoC
   4. ApplicationContext đại diện cho IoC và có nhiệm vụ khởi khởi tạo, cấu hình và lắp ráp các beans. Container sẽ biết cách khởi tạo, lắp ráp, cấu hình các objects thong qua tài liệu config metadata mà bạn cung cấp.
      1. Một số cái triển khai của giao diện ApplicationContext được cung cấp cùng với Springframe work.trong những ứng dụng độc lập, nó thường dùng để tạo ra những thể hiện của classpathxmlapplicationcontext hoặc fileSystemapplicationcontext. Trong khi những XML có những format truyền thống để định nghĩa những config metadata. Bạn có thể dạy cho Container sử dụng java annotations hoặc code trong cái format metadata bằng cách sử dụng các cái cấu hình XML dể hỗ trợ cho việc thêm format.
      2. Trong nhiều kịch bản ứng dụng thì mã người dùng không cần thiết khởi tạo các phiên bản trong IoC. Ví dụ trong 1 ứng dụng web thì cái mô tả của web sẽ soạn sẵn tron web.xml.
2. Configuration metadata.

* 1 IoC sẽ dùng 1 form config metadata ,cái metadata này sẽ đại hiên cho cách tực hiện cái IoC này của bạn, như 1 cái nhà phát triển , nói cho Contain biết cách để nó cấu hình, lắp ráp và khởi tạo cái object trong chương trình của bạn.
* Metadata truyền thống thì nó áp dụng đơn giản hoặc là theo định dạng Xml trực quan. Đó cũng là hầu hết mà phần này dùng để truyền đạt cái khái niệm và chức năng của IoC.
* Cấu hình spring bao gồmít nhất 1 nhưng thườn thì nhiều hơn one bean được định nghĩa, và cái Container ó phải quản lí cái bean được định nghĩa ra đó, Config metadata cấu hình dựa trên thẻ <beans> các yếu tố bên trong <beans/> cấu hình java thương được sử dụng @bean- chú thích chức năng ở obeen trong cái lớp @configuration.
* Bean nó được địng nghĩa tương ứng với đối tượng thực tế nó sẽ tạo nên ứng dụng cảu bạn, thường thì cái địng nghĩa của cái lớp đối tượng , đối tượng truy cập dữ liệu ( DAOs), nó đại diện cho cái đói tượng như là 1 sự thể hiện hành động, các đối tượng là khung cơ sở như là  hibernate SessionFactories, JMS Queues, and so forth. Thương thì, người ta sẽ không cấu hình cái fine-grained trong Container, vì vậy thì cái nhiệm vụ mà DAOs và business logic là tạo ra và tải cái miền đối tượng, tuy nhiên bạn phải sử dụng cái spring kế thợp với cái AspectJ để cấu hình objects được tạo ra bên ngoài các IoC.

1. Instantiating acontainer.

* Cái đường dẫn mà cung cấp cho applicationcontext contructor nó là cái nguồn tài nguyên cho cái container tải cấu hình metadata từ các biến từ các nguồn ung cấp bên ngoài như là cái tập tin cục bộ của hệ thống hoặc java pathclass .

 External : bên ngoài.

convenient  thuận tiện.

in particular : đặc biệt